

Số: 22/CBTT-LDP/2026

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) 6 tháng đầu năm 2026 đã soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

- Mã chứng khoán: LDP

- Địa chỉ: 18 Ngô Quyền, Phường Cam Ly-Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

- Điện thoại: 02633 817937 – 824669

- Email: info@ladophar.com Website: www.ladophar.com và www.ladophar.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC 6 tháng đầu năm 2026 đã soát xét theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

☒ BCTC riêng;

☒ BCTC hợp nhất

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

+ Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước và ý kiến ngoại trừ của kiểm toán:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/08/2026 tại đường dẫn www.ladophar.com

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm: không

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu KT

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


PHẠM TRUNG KIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2 - 3
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị	4
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
5. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	7 - 10
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	11
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	12 - 13
8. Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	14 - 45
9. Phụ lục	46 - 48



THÔNG TIN CHUNG**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000047, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 34 ngày 05 tháng 3 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất đông dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; xuất nhập khẩu thuốc và dược liệu; Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Điện thoại : +84 (0263) 381 7937

Công ty có các đơn vị trực thuộc: 3 chi nhánh ngoài tỉnh và các chi nhánh, địa điểm kinh doanh khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Miền Nam – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	Tầng trệt và tầng 1, Tòa nhà 76 Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Miền Bắc – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	Số 77 Phố Nguyễn Công Hoan, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội
Chi nhánh Miền Tây – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	6-7 B4 Trịnh Văn Án, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
Các chi nhánh, địa điểm kinh doanh khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Lê Tiến Thịnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Lê Xuân Thanh	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Hồng Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2024
Bà Đặng Thùy Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2024

Ủy ban Kiểm toán

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Lê Xuân Thanh	Chủ tịch Ủy ban	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Hồng Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Lê Tiến Thịnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Ngô Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Lê Tiến Thịnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.

S - C
TNHH
À TƯ V
C
P. HỒ C



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công bố của Hội đồng quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Phạm Trung Kiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 28 tháng 8 năm 2026



Số: 1.1371/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026, từ trang 07 đến trang 48, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 Tập đoàn có khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (sau đây gọi tắt là “Công ty Bảo Thư”) với số tiền là 50.050.000.000 VND (xem thuyết minh số V.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ). Đây là khoản tiền mà Tập đoàn đã thực hiện đầu tư theo Hợp đồng ủy thác thực hiện tư vấn phát triển Dự án trung tâm thương mại Nguyễn Kim Đà Lạt và Hợp đồng cho thuê Quyền sử dụng đất tại Cụm công nghiệp Thắng Hải 1 ký kết giữa Tập đoàn và Công ty Bảo Thư. Tuy nhiên, đã sau hơn 04 năm kể từ khi Tập đoàn chuyển tiền đầu tư, cả hai dự án đều không thực hiện được và Công ty Bảo Thư vẫn chưa thanh toán lại khoản tiền trên cho Tập đoàn. Ngày 18 tháng 02 năm 2025 và ngày 03 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân Thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm đã ban hành Bản án số 01/2025/KDTM-ST và Bản án số 02/2025/KDTM-ST buộc Công ty Bảo Thư có trách nhiệm trả lại cho Tập đoàn số tiền là 50.050.000.000 VND. Đến ngày 11 tháng 6 năm 2025 và ngày 20 tháng 6 năm 2025 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm đã ban hành Bản án số 08/2025/KDTM-PT và Bản án số 09/2025/KDTM-PT y án sơ thẩm. Ngày 27 tháng 02 năm 2026 Tòa án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng đã ban hành Bản án số 01/2026/KDTM-ST tuyên buộc Công ty Bảo Thư hoàn trả 17.550.000.000 VND cho Công ty TNHH MTV Nước giải khát Thảo dược Ladophar (là công ty con của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)). Hiện Tập đoàn đã chuyển hồ sơ sang thi hành án để thu hồi công nợ. Tuy nhiên với những tài liệu và thông tin hiện có, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi và các tổn thất (nếu có) của khoản công nợ này cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.





CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		260.900.197.541	250.500.070.500
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.766.471.120	18.614.007.886
1. Tiền	111		4.766.471.120	11.614.007.886
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	4.729.433.545
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	11.098.111.818	11.098.111.818
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124	V.2	(9.098.111.818)	(6.368.678.273)
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		170.940.965.488	168.687.624.884
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	53.154.571.010	54.560.358.539
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	119.285.340.676	117.897.192.268
3. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	2.709.026.330	332.046.605
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(4.261.397.472)	(4.261.397.472)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		53.424.944	159.424.944
IV. Hàng tồn kho	140		68.790.083.963	55.421.894.705
1. Hàng tồn kho	141	V.7	68.790.083.963	55.421.894.705
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		2.402.676.970	3.047.109.480
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	1.376.800.090	1.863.589.768
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		1.025.876.880	878.573.176
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.16	-	304.946.536
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.004.098.266	57.260.135.665
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.984.900.000	9.788.550.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	9.300.000.000	9.300.000.000
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	684.900.000	488.550.000
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		33.735.915.465	35.659.572.285
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	33.735.915.465	35.659.572.285
- Nguyên giá	222		100.578.976.749	100.414.731.718
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.843.061.284)	(64.755.159.433)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		1.749.133.777	1.749.133.777
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.749.133.777)	(1.749.133.777)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240	V.11	2.107.101.411	2.161.703.103
- Nguyên giá	241		4.170.339.679	4.170.339.679
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.063.238.268)	(2.008.636.576)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		3.875.731.000	2.995.038.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.12	3.875.731.000	2.995.038.000
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		6.300.450.390	6.655.272.277
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	6.300.450.390	6.655.272.277
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
5. Lợi thế thương mại	275		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		316.904.295.807	307.760.206.165



Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		193.256.810.513	191.495.642.528
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	187.281.670.000	187.281.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		187.281.670.000	187.281.670.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412	V.23	4.203.400.000	4.203.400.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415	V.23	(320.000)	(320.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	1.772.060.513	10.892.528
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		10.892.528	10.892.528
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		1.761.167.985	-
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		316.904.295.807	307.760.206.165



Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lập

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026



Phạm Trung Kiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị




CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	131.968.869.618	111.189.965.439
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.889.473.069	262.992.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		129.079.396.549	110.926.973.439
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	80.603.084.472	74.170.838.800
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.476.312.077	36.756.134.639
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	310.313.636	622.508.294
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	3.726.760.767	2.054.437.214
Trong đó: chi phí đi vay	24		3.045.277.555	1.680.552.244
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	21.030.294.876	19.595.671.817
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	16.497.859.443	13.594.711.497
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	-
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.531.710.627	2.133.822.405
13. Thu nhập khác	31	VI.8	2.098.318.380	108.364.346
14. Chi phí khác	32	VI.9	4.916.623.667	2.767.187
15. Lợi nhuận khác	40		(2.818.305.287)	105.597.159
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.713.405.340	2.239.419.564
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	2.952.237.355	-
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.761.167.985</u>	<u>2.239.419.564</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.761.167.985	2.239.419.564
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>94</u>	<u>176</u>
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>94</u>	<u>176</u>



Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lập

Được duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026



Phạm Trung Kiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		4.713.405.340	2.239.419.564
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8b, 9, 11	2.190.499.019	2.947.782.922
-	Các khoản dự phòng	03	V.2, 6	2.729.433.545	2.211.760.358
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.4	(260.599.908)	(146.407.648)
-	Chi phí đi vay	06	VI.5	3.045.277.555	1.680.552.244
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.418.015.551	8.933.107.440
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.596.994.308)	(4.912.675.934)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(13.368.189.258)	51.184.662
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		935.727.755	(7.811.818.067)
-	Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		793.616.089	(666.260.142)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	119.671.374
-	Chi phí đi vay đã trả	14	V.18, 21, VI.5	(1.288.706.870)	(1.030.751.565)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(1.450.000.000)	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(129.998.000)	(926.500.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.686.529.041)	(6.244.042.232)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, 9, 12, 14	(1.838.938.031)	(1.413.806.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	260.599.908	146.407.648
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.578.338.123)	(1.267.398.352)

498

3 TY

ÁN V.

&

1 - T



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.23	-	6.350.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	90.574.081.485	81.081.448.680
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(86.156.751.087)	(74.782.797.639)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.417.330.398	12.648.651.041
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.847.536.766)	5.137.210.457
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	18.614.007.886	11.451.460.827
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	16.766.471.120	16.588.671.284



Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lập



Đã duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Phạm Trung Kiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất đồng dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; xuất nhập khẩu thuốc và dược liệu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ là Công ty TNHH MTV Nước giải khát Thảo dược Ladophar có trụ sở chính tại Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Công ty con này được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6. Số lượng người lao động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 265 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 261 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Tập đoàn lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính (“Thông tư 99”) thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính (“Thông tư 43”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột “Số đầu năm” và cột “Kỳ trước” trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 và Thông tư 43 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn.

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty mẹ được đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã LDP theo Quyết định số 604/TB-SGDCKHN ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 20 tháng 7 năm 2010. Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 18.728.135 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99, Thông tư 202, Thông tư 43 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200 và Thông tư 43 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202.

Việc áp dụng này được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99, Thông tư 43 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Tập đoàn thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99, Thông tư 43 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Tập đoàn áp dụng phương pháp phi hồi tố.

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	2.000.000.000	9.098.111.818	11.098.111.818
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124	-	(6.368.678.273)	(6.368.678.273)
Phải thu về cho vay ngắn hạn		8.000.333.300	(8.000.333.300)	-
Phải thu ngắn hạn khác	135	1.429.825.123	(1.097.778.518)	332.046.605
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	(10.630.075.745)	6.368.678.273	(4.261.397.472)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99, Thông tư 202, Thông tư 43 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày theo số thuận giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chi tiêu này mà trình bày tại chi tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua (phí giao dịch, hoa hồng môi giới,...). Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tổn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường và sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường không được trình bày là hàng tồn kho mà được trình bày là tài sản dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính.

8. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Tập đoàn thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Tập đoàn như sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã xuất dùng liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 03 năm).

Chi phí thuê hoạt động đất và cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê hoạt động quyền sử dụng đất, và mặt bằng phục vụ cho sản xuất, kinh doanh đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê trả trước (48 năm) và thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Các chi phí chờ phân bổ khác

Các chi phí khác đã phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm và bản chất của từng khoản chi phí.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 30
Máy móc và thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh được trình bày theo số thuần tại chi tiêu "Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại bất động sản đầu tư</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	42
Nhà	25

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Việc chuyển từ hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đang trong giai đoạn xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi hoàn thành giai đoạn xây dựng và bàn giao, đưa vào hoạt động cho thuê.

Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản đó. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu có quyết định sửa chữa, cải tạo, nâng cấp để bán. Trường hợp bán bất động sản đầu tư mà không có giai đoạn sửa chữa, cải tạo, nâng cấp thì tài sản vẫn được ghi nhận là bất động sản đầu tư cho đến khi được bán, không chuyển thành hàng tồn kho.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá ghi sổ của tài sản chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá trong việc xác định giá trị hay lập Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo thời hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Tập đoàn không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán/Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của doanh nghiệp.

16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng.

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm: các khoản tiền nhận trước của người mua mà Tập đoàn chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; các khoản doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

17. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu. Giá trị chiết khấu hoặc phụ trội được xác định và ghi nhận ngay tại thời điểm phát hành. Sau khi phát hành, dù lãi suất thị trường có thay đổi cũng không ảnh hưởng đến giá trị chiết khấu hay phụ trội đã ghi nhận.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng năm, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu. Nếu phần phụ trội phân bổ hàng kỳ lớn hơn phần lãi trái phiếu theo lãi suất danh nghĩa hàng kỳ thì phần chênh lệch đó được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền lãi danh nghĩa phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa tùy theo mục đích sử dụng.

Trường hợp phát hành trái phiếu thường không thành công thì chi phí phát hành trái phiếu thường được phân bổ cho cả trái phiếu thường phát hành thành công và không thành công theo số lượng trái phiếu. Chi phí phát hành trái phiếu thường phân bổ cho trái phiếu phát hành không thành công được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.
- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, toàn bộ số tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu mua lại của chính mình và phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, giá trị thực tế cổ phiếu mua lại được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất bằng cách ghi số âm để ghi giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu. Trường hợp mua lại với mục đích hủy bỏ ngay lập tức, giá trị được ghi giảm trực tiếp vào vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn. Khi tái phát hành, trị giá vốn cổ phiếu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá vốn bình quân được ghi vào thặng dư vốn.

19. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại. Các khoản này được theo dõi riêng và kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh hàng bán bị trả lại, Tập đoàn ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

23. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Tập đoàn ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, các công ty trong Tập đoàn xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp. Cuối năm tài chính, các công ty trong Tập đoàn xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm:

- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Tập đoàn, bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Tập đoàn và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Tập đoàn.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Tập đoàn, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận.
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn).
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	301.315.000	146.609.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.465.156.120	11.467.398.886
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.377.337.828	10.299.853.940
- Các ngân hàng khác	87.818.292	1.167.544.946
Các khoản tương đương tiền	12.000.000.000	7.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	16.766.471.120	18.614.007.886



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-
<i>Cho vay</i>	9.098.111.818	- (9.098.111.818)		9.098.111.818	2.729.433.545	(6.368.678.273)
Nợ gốc ⁽ⁱ⁾	8.000.333.300	- (8.000.333.300)		8.000.333.300	2.400.099.990	(5.600.233.310)
Lãi cho vay	1.097.778.518	- (1.097.778.518)		1.097.778.518	329.333.555	(768.444.963)
Cộng	11.098.111.818	2.000.000.000 (9.098.111.818)		11.098.111.818	4.729.433.545	(6.368.678.273)

- (i) Khoản cho Ông Lê Minh Đức vay tín chấp với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 12%/năm. Khoản cho vay này được đánh giá khó có khả năng thu hồi nên đã được trích lập dự phòng 100%.

Tình hình biến động dự phòng khoản cho vay như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	6.368.678.273	4.549.055.908
Trích lập dự phòng bổ sung	2.729.433.545	1.819.622.365
Số cuối kỳ	9.098.111.818	6.368.678.273

3. Phải thu của khách hàng**3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	773.534.000	-	1.022.010.001	-
Công ty Cổ phần APG ECO	765.110.000	-	1.022.010.001	-
Công ty Cổ phần APG Holdings	8.424.000	-	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	52.381.037.010	4.261.397.472	53.538.348.538	4.261.397.472
Công ty Cổ phần ATG Planet – tiền bán tài sản cố định	9.402.312.200	-	9.402.312.200	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu	2.233.052.392	-	4.004.300.796	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Mạnh Tý – Việt Mỹ	2.657.332.596	-	-	-
Các khách hàng khác	38.088.339.822	4.261.397.472	40.131.735.542	4.261.397.472
Cộng	53.154.571.010	4.261.397.472	54.560.358.539	4.261.397.472

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Khoản phải thu Công ty Cổ phần ATG Planet tiền bán tài sản cố định.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>6.418.642.366</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế DK PCF	-	1.418.642.366
Công ty Cổ phần APC Holdings	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>114.285.340.676</i>	<i>111.478.549.902</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (trước đây là Công ty Cổ phần Louis Land) ⁽ⁱ⁾	50.050.000.000	50.050.000.000
Công ty Cổ phần ATG Planet (trước đây là Công ty Cổ phần An Trường An) ⁽ⁱⁱ⁾	59.290.000.000	59.290.000.000
Các nhà cung cấp khác	4.945.340.676	2.138.549.902
Cộng	119.285.340.676	117.897.192.268

(i) Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (trước đây là Công ty Cổ phần Louis Land) bao gồm:

- Khoản ứng tiền thực hiện Hợp đồng ủy thác thực hiện tư vấn phát triển Dự án Trung tâm thương mại Nguyễn Kim Đà Lạt số 0104/2022/HĐTV/LL-LDH ngày 04 tháng 4 năm 2022 với Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư). Tuy nhiên, dự án này đã không được thực hiện và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư có trách nhiệm phải hoàn trả cho Tập đoàn số tiền 20.900.000.000 VND theo Bản án số 08/2025/KDTM-PT ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Tiền đặt cọc thuê đất Cụm công nghiệp Thắng Hải 1 theo Hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất số 0504/2022/HDTD/LL-LDP ngày 05 tháng 4 năm 2022 ký với Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư). Tuy nhiên, dự án này cũng không được thực hiện và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư có trách nhiệm phải hoàn trả cho Tập đoàn số tiền 11.600.000.000 VND theo Bản án số 09/2025/KDTM-PT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Khoản trả trước đợt 1 tiền thuê đất Cụm công nghiệp Thắng Hải 1 cho thuê quyền sử dụng đất số 010/2022/HDTD/LL-LDP ngày 14 tháng 4 năm 2023 với Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư). Tuy nhiên, dự án này cũng không thực hiện được và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư có trách nhiệm phải hoàn trả cho Tập đoàn số tiền còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 17.550.000.000 VND theo Bản án số 01/2026/KDTM-PT ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng.

(ii) Khoản trả trước để thực hiện hợp đồng thiết kế, cung cấp vật tư, thiết bị, phụ kiện và thi công xây lắp đặt (EPC) công trình phân xưởng chiết xuất dược liệu CO2 siêu tới hạn. Đến ngày 27 tháng 5 năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết về việc chấm dứt hợp đồng này do nhà thầu không thực hiện các nghĩa vụ về tiến độ và phạm vi công việc theo hợp đồng. Tuy nhiên ngày 05 tháng 6 năm 2026 Công ty Cổ phần ATG Planet đã có công văn phản hồi về việc không có cơ sở để chấm dứt hợp đồng và không đồng ý với yêu cầu hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng ngay lập tức mà đề xuất tiếp tục thực hiện hợp đồng hoặc thanh lý hợp đồng theo thỏa thuận (xác định số tiền hoàn trả sau khi bù trừ khối lượng công việc đã thực hiện và nghiệm thu, chi phí hợp lệ ATG Planet đã bỏ ra, thiệt hại phát sinh do chậm bàn giao mặt bằng) hoặc giải quyết qua cơ quan có thẩm quyền.

Trong đó, khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư là 59.290.000.000 VND (số đầu năm là 59.290.000.000 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	2.075.000.000	-	-	-
Ông Lê Tiến Thịnh - Tạm ứng (*)	2.060.000.000	-	-	-
Ông Ngô Văn Trị - Tạm ứng	15.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	634.026.330	-	332.046.605	-
Tạm ứng	327.133.125	-	-	-
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	191.353.368	-	215.484.868	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	115.539.837	-	116.561.737	-
Cộng	2.709.026.330	-	332.046.605	-

(*) Khoản tạm ứng nhằm mục đích thực hiện các công việc liên quan đến lập hồ sơ đăng ký quyền sở hữu đối với các công trình xây dựng, dự kiến sẽ hoàn ứng trước ngày 31 tháng 12 năm 2026.

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ			Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi			Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH In Di Co	Từ 03 năm trở lên	2.635.337.320	-		Từ 03 năm trở lên	2.635.337.320	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế PDS	Từ 03 năm trở lên	625.202.434	-		Từ 03 năm trở lên	625.202.434	-
Công ty Cổ phần VKC Holdings	Từ 03 năm trở lên	584.101.610	-		Từ 03 năm trở lên	584.101.610	-
Công ty Cổ phần Sametel	Từ 03 năm trở lên	319.828.370	-		Từ 03 năm trở lên	319.828.370	-
Các cá nhân, tổ chức khác	Từ 03 năm trở lên	96.927.738	-		Từ 03 năm trở lên	96.927.738	-
Cộng		4.261.397.472	-			4.261.397.472	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	4.261.397.472	3.990.218.479
Trích lập dự phòng bổ sung	-	271.178.993
Số cuối kỳ	4.261.397.472	4.261.397.472

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	868.271.562	-	1.982.604.981	-
Nguyên liệu, vật liệu	19.618.905.617	-	12.049.486.386	-
Công cụ, dụng cụ	297.606.611	-	290.814.611	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.791.400.220	-	528.796.620	-
Thành phẩm	31.704.396.372	-	26.723.431.794	-
Hàng hóa	13.522.620.929	-	13.629.006.071	-
Hàng gửi đi bán	986.882.652	-	217.754.242	-
Cộng	68.790.083.963	-	55.421.894.705	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí chờ phân bổ****8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	53.379.630	20.711.970
Chi phí sửa chữa	256.153.128	151.493.125
Chi phí bản quyền phần mềm	382.415.433	1.147.246.298
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	684.851.899	544.138.375
Cộng	1.376.800.090	1.863.589.768

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	545.690.453	470.296.323
Tiền thuê đất	1.871.823.598	1.919.819.074
Chi phí thuê mặt bằng	1.905.810.832	1.953.909.694
Chi phí sửa chữa	1.824.865.968	2.080.410.335
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	152.259.539	230.836.851
Cộng	6.300.450.390	6.655.272.277

Tiền thuê đất trả một lần có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.871.823.598 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang (xem thuyết minh số V.21).

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	62.464.514.177	24.970.809.467	12.220.750.892	758.657.182	100.414.731.718
Mua trong kỳ	-	164.245.031	-	-	164.245.031
Số cuối kỳ	62.464.514.177	25.135.054.498	12.220.750.892	758.657.182	100.578.976.749
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	20.681.120.758	5.243.050.614	7.151.914.075	528.456.682	33.604.542.129
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	41.056.848.184	13.934.262.819	9.121.183.178	642.865.252	64.755.159.433
Khấu hao trong kỳ	1.008.413.753	808.111.224	253.441.842	17.935.032	2.087.901.851
Số cuối kỳ	42.065.261.937	14.742.374.043	9.374.625.020	660.800.284	66.843.061.284
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	21.407.665.993	11.036.546.648	3.099.567.714	115.791.930	35.659.572.285
Số cuối kỳ	20.399.252.240	10.392.680.455	2.846.125.872	97.856.898	33.735.915.465
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Danh mục tài sản cố định hữu hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà xưởng trà và kho Phú Hội	18.781.996.726	7.129.090.258	11.652.906.468
Nhà máy chiết xuất tại Phú Hội	8.150.420.280	3.453.297.263	4.697.123.017
Nhà cửa, vật kiến trúc khác	35.532.097.170	31.482.874.416	4.049.222.754
Hệ thống điện chiếu sáng, xử lý không khí, khí nén và nước thải	8.109.090.909	3.604.040.400	4.505.050.509
Tài sản cố định hữu hình khác	30.005.371.664	21.173.758.947	8.831.612.717
Cộng	100.578.976.749	66.843.061.284	33.735.915.465

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	153.763.777	1.595.370.000	1.749.133.777
Số cuối kỳ	153.763.777	1.595.370.000	1.749.133.777
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	153.763.777	1.595.370.000	1.749.133.777
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	153.763.777	1.595.370.000	1.749.133.777
Số cuối kỳ	153.763.777	1.595.370.000	1.749.133.777
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Danh mục tài sản cố định vô hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất Xuân Thọ	153.763.777	153.763.777	-
Phần mềm ERP	1.339.470.000	1.339.470.000	-
Tài sản cố định vô hình khác	255.900.000	255.900.000	-
Cộng	1.749.133.777	1.749.133.777	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.706.715.000	1.463.624.679	4.170.339.679
Số cuối kỳ	2.706.715.000	1.463.624.679	4.170.339.679
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	338.715.502	338.715.502
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	770.423.123	1.238.213.453	2.008.636.576
Khấu hao trong kỳ	32.103.510	22.498.182	54.601.692
Số cuối kỳ	802.526.633	1.260.711.635	2.063.238.268
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.936.291.877	225.411.226	2.161.703.103
Số cuối kỳ	1.904.188.367	202.913.044	2.107.101.411

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất Lâm Hà	2.696.695.000	802.526.633	1.894.168.367
Quyền sử dụng đất Hòa Ninh - Di Linh	10.020.000	-	10.020.000
Nhà số 34 Hòa Bình	1.124.909.177	921.996.133	202.913.044
Khác	338.715.502	338.715.502	-
Cộng	4.170.339.679	2.063.238.268	2.107.101.411

Một số bất động sản đầu tư có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.107.101.411 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang (xem thuyết minh số V.21).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí triển khai phần mềm.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại***Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận***

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho chi phí lãi vay chưa được trừ. Chi tiết chi phí lãi vay được chuyển như sau:

Năm 2022	7.544.242.437
Năm 2023	7.026.592.246
Cộng	14.570.834.683

Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 và Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ, phần chi phí lãi vay không được trừ trong kỳ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo, liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai đủ để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	862.500.000
Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex	-	700.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	-	162.500.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	30.751.900.574	30.107.113.851
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Nha Trang	2.542.524.329	4.157.437.804
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại Bình Thuận	3.184.127.562	3.424.382.835
Các nhà cung cấp khác	25.025.248.683	22.525.293.212
Cộng	30.751.900.574	30.969.613.851

Trong đó, khoản phải trả người bán mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư là 357.947.000 VND (số đầu năm là 1.151.947.000 VND).

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi nhánh Công ty TNHH Du lịch - Thương mại Hoàng Trà	621.834.800	640.886.000
Công ty TNHH Dược phẩm Thành Đạt	-	375.859.159
Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu	761.026.494	957.352.499
Các khách hàng khác	-	9.300.609
Cộng	1.382.861.294	1.983.398.267

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.404.446.053	-	5.033.248.129	(7.769.024.585)	668.669.597	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	304.946.536	2.952.237.355	(1.450.000.000)	1.197.290.819	-
Thuế nhập khẩu	-	-	8.224.019	(8.224.019)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	130.955.348	-	1.064.710.233	(961.386.718)	234.278.863	-
Tiền thuế đất	-	-	780.659.825	(780.659.825)	-	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	27.701.471	-	3.866.203	(31.039.156)	528.518	-
Cộng	3.563.102.872	304.946.536	9.842.945.764	(11.000.334.303)	2.100.767.797	-

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Các hàng hóa có số đăng ký thuế 05%
- Các hàng hóa, dịch vụ khác ⁽ⁱ⁾ 10%

- (i) Trong kỳ, thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ của Công ty mẹ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.713.405.340	2.239.419.564
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	6.125.910.727	1.572.996.481
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.694.967.415)	(450.449.008)
Thu nhập chịu thuế	9.144.348.652	3.361.967.037
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(3.361.967.037)
Thu nhập tính thuế	9.144.348.652	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.828.869.730	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	1.123.367.625	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.952.237.355	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả cho người lao động tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 5.398.704.855 VND (số đầu năm là 7.341.632.071 VND).

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi trái phiếu	8.762.632.479	7.798.974.000
Chi phí lãi vay ngân hàng	-	7.290.922
Chi phí tiền lãi chậm trả (xem thuyết minh số V.21)	4.451.337.142	-
Chi phí thù lao Hội đồng quản trị	708.194.612	708.194.612
Chi phí bán hàng	2.081.914.090	1.188.658.579
Chi phí chào bán cổ phiếu	1.165.000.000	1.165.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	87.500.001	82.500.000
Cộng	17.256.578.324	10.950.618.113



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Tiền nhận trả trước về cho thuê mặt bằng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 66.000.000 VND (số đầu năm là 134.181.816 VND).

20. Phải trả khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn	564.853.020	58.930.000
Cổ tức phải trả	89.663.784	89.663.784
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.902.523.261	2.117.326.004
Cộng	2.557.040.065	2.265.919.788

20b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược	546.500.000	556.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.223.230.000	1.223.230.000
Cộng	1.769.730.000	1.779.730.000

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang ⁽ⁱ⁾	35.881.511.554	30.464.181.156
Trái phiếu thường ngắn hạn đến hạn thanh toán ⁽ⁱⁱ⁾	26.310.203.128	26.510.000.000
Cộng	62.191.714.682	56.974.181.156

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo hợp đồng số 01/2025/590445/HĐTD để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất với tổng giá trị tài sản thế chấp là 56.892.626.148 VND theo biên bản định giá lại ngày 05 tháng 6 năm 2025 (xem thuyết minh số V.8b và V.11).

(ii) Ngày 14 tháng 4 năm 2022, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 50/NQ-HĐQT/LDP-2022, Tập đoàn công bố phát hành trái phiếu riêng lẻ, không có quyền chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có bảo đảm bằng tài sản kỳ hạn 12 tháng, mệnh giá 100.000 VND, lãi suất 12%/năm được phát hành cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được phép mua trái phiếu theo quy định của pháp luật Việt Nam để bổ sung vốn thực hiện hợp tác đầu tư xây dựng nhà máy nước giải khát và bổ sung vốn cho các hoạt động khác. Tổng giá trị phát hành tối đa là 300.000.000.000 VND.

Đến ngày 01 tháng 7 năm 2022, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 62/NQ-HĐQT/2022, Hội đồng quản trị đã thông qua việc đóng gói trái phiếu LDPH2223001 phát hành ngày 18 tháng 4 năm 2022, thỏa thuận với trái chủ, tiến hành tất toán toàn bộ khoản nợ trái phiếu, chủ động sử dụng các nguồn vốn để chi trả theo cam kết với nhà đầu tư.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 Công ty mẹ đã phát hành Công văn số 360/CV-LDP/2022 về việc thông báo phương án thanh toán cho nhà đầu tư. Theo Công văn này, Tập đoàn sẽ tiến hành thủ tục mua lại trái phiếu trước hạn trong vòng 40 ngày kể từ ngày phát hành thông báo hủy phát hành trái phiếu LDPH2223001. Tập đoàn cam kết thanh toán thực hiện các nghĩa vụ gốc, lãi đối với trái chủ đến thời điểm mua lại trái phiếu.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/NQ-HĐQT/2023, Tập đoàn công bố phương án thanh toán lãi trái phiếu LDPH2223001 từ thời điểm hủy kết quả phát hành đến hết ngày 18 tháng 4 năm 2023, Tập đoàn dự kiến sẽ thỏa thuận ký kết biên bản với nhà đầu tư về việc chuyển khoản đầu tư trái phiếu thành khoản nợ phải thanh toán, Tập đoàn sẽ thanh toán định kỳ phần gốc thành từng giai đoạn. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn chỉ thỏa thuận được và thanh toán cho một số nhà đầu tư với số tiền là 5.610.000.000 VND.

Theo Bản án phúc thẩm số 704/2026/DS-PT ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh Công ty có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Ninh Thu Trà số tiền nợ gốc trái phiếu còn lại là 18.500.203.128 VND, tiền lãi phải trả là 7.848.592.658 VND, tổng cộng là 26.348.795.786 VND. Dựa theo bản án này, Công ty đã tính toán và ghi nhận bổ sung khoản chi phí tiền lãi chậm trả với số tiền 4.451.337.142 VND vào kết quả kinh doanh trong kỳ (xem thuyết minh số V.18 và VI.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ lãi vay phải trả	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	30.464.181.156	90.574.081.485	-	(85.156.751.087)	35.881.511.554
Trái phiếu thường đến hạn thanh toán	26.510.000.000	-	800.203.128	(1.000.000.000)	26.310.203.128
Cộng	56.974.181.156	90.574.081.485	800.203.128	(86.156.751.087)	62.191.714.682

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán trừ khoản trái phiếu thường ngắn hạn đến hạn thanh toán. (Tập đoàn đang thực hiện việc thỏa thuận ký kết biên bản với nhà đầu tư về việc chuyển khoản đầu tư trái phiếu thành khoản nợ phải thanh toán).

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	302.185.703	514.089.303
Trích lập quỹ trong kỳ	-	800.000.000
Chi quỹ trong kỳ	(129.998.000)	(926.500.000)
Số cuối kỳ	172.187.703	387.589.303

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Louis Holdings	13.202.250.000	62.117.250.000
Công ty Cổ phần APC Holdings	53.936.000.000	53.936.000.000
Các cổ đông khác	120.143.100.000	71.228.100.000
Cộng	187.281.350.000	187.281.350.000



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số liệu về chi tiết góp vốn cập nhật theo danh sách người sở hữu chứng khoán do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập ngày 24 tháng 7 năm 2026.

23c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.728.167	18.728.167
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.728.167	18.728.167
- Cổ phiếu phổ thông	18.728.167	18.728.167
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	32	32
- Cổ phiếu phổ thông	32	32
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.728.135	18.728.135
- Cổ phiếu phổ thông	18.728.135	18.728.135
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Thông tin về việc phát hành thêm cổ phiếu

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 số 02/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa: 9.364.067 cổ phiếu.
- Giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán tính theo mệnh giá: 93.640.670.000 VND.
- Thời gian dự kiến phát hành: trong năm 2026.

24. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

24a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang (Hợp đồng thuê đất của Nhà nước) theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.545.774.900	1.545.774.900
Trên 01 năm đến 05 năm	6.183.099.600	6.183.099.600
Trên 05 năm	11.722.164.589	12.502.824.436
Cộng	19.451.039.089	20.231.698.936

24b. Tài sản cầm cố, thế chấp

	Giá trị sổ sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Chi phí chờ phân bổ (xem Thuyết minh số V.8b)				
Tiền thuê đất	1.871.823.598	1.919.819.074	Theo thời gian của hợp đồng tín dụng	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Bất động sản đầu tư (xem Thuyết minh số V.11)				
Quyền sử dụng đất Lâm Hà	1.894.168.367	1.926.271.877	Theo thời gian của hợp đồng tín dụng	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Quyền sử dụng đất Hòa Ninh - Di Linh	10.020.000			
Nhà số 34 Hòa Bình	202.913.044			



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**24c. Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 323,82 USD (số đầu năm là 1.651,74 USD).

24d. Nợ khó đòi đã xử lý

Tập đoàn có các khoản nợ phải thu với Nhà thuốc Hoàng Kim Tuyền là 16.090.871 VND đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

25. Giá trị các tài sản đang nắm giữ của các bên khác nhưng bị giới hạn sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các khoản nợ phải trả có nghĩa vụ phải thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật

Tập đoàn không có tài sản đang nắm giữ của các bên khác bị giới hạn sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa	45.307.962.316	38.772.151.028
Doanh thu bán thành phẩm	85.208.249.294	70.959.705.330
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.452.658.008	1.458.109.081
Cộng	131.968.869.618	111.189.965.439

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VII.1.

2. Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại trong kỳ này là 2.889.473.069 VND (cùng kỳ năm trước là 262.992.000 VND).

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	42.388.967.556	36.660.520.930
Giá vốn của thành phẩm đã bán	38.159.515.224	37.455.716.178
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	54.601.692	54.601.692
Cộng	80.603.084.472	74.170.838.800

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	260.599.908	146.407.648
Chiết khấu thanh toán được hưởng	43.089.070	119.787.702
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	356.312.944
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.624.658	-
Cộng	310.313.636	622.508.294



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	1.281.415.948	1.032.166.244
Chi phí lãi trái phiếu	1.763.861.607	648.386.000
Chi phí tài chính khác	681.483.212	373.884.970
Cộng	3.726.760.767	2.054.437.214

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí cho nhân viên	9.976.299.380	10.120.967.433
Chi phí vật liệu, bao bì	256.921.734	293.341.122
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	90.523.292	15.143.546
Chi phí khấu hao tài sản cố định	173.346.662	155.788.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.287.613.250	5.615.494.653
Các chi phí khác	4.245.590.558	3.394.936.479
Cộng	21.030.294.876	19.595.671.817

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí cho nhân viên	7.209.749.715	5.478.026.716
Chi phí vật liệu quản lý	19.475.310	43.028.497
Chi phí đồ dùng văn phòng	13.618.117	27.937.393
Chi phí khấu hao tài sản cố định	188.711.148	254.981.776
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.729.433.545	2.090.801.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.063.395.533	2.857.595.988
Các chi phí khác	3.273.476.075	2.842.339.769
Cộng	16.497.859.443	13.594.711.497

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập từ việc xóa nợ	1.732.557.797	-
Thu nhập từ bán vật phẩm trưng thường	200.000.000	-
Tiền chiết khấu hàng bán, tiền thưởng	9.841.205	47.722.794
Thu nhập khác	155.919.378	60.641.552
Cộng	2.098.318.380	108.364.346

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí phạt thuế, hành chính	463.402.171	220.879
Chi phí lãi chậm trả	4.451.337.142	-
Chi phí khác	1.884.354	2.546.308
Cộng	4.916.623.667	2.767.187



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.761.167.985	2.239.419.564
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.761.167.985	2.239.419.564
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	18.728.135	12.757.522
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	94	176

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.728.552.213	63.649.803.495
Chi phí nhân công	24.088.215.493	21.833.130.607
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.142.503.543	2.947.782.922
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.746.445.951	10.430.017.701
Chi phí khác	10.425.521.591	8.500.487.389
Cộng	118.131.238.791	107.361.222.114

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ và giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Phạm Trung Kiên – bán hàng	-	15.620.868
Ông Lê Tiến Thịnh – Tạm ứng	2.060.000.000	-

Giá hàng hóa cung cấp cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là giá thỏa thuận.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	738.464.002	941.969.715
Ông Lê Tiến Thịnh	Thành viên HĐQT	-	160.000.000
Ông Lê Xuân Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	-	169.355.000
Bà Đặng Thùy Linh	Thành viên HĐQT	-	160.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Giang	Thành viên HĐQT	-	165.613.000
Các Thành viên Ban kiểm soát đã miễn nhiệm		-	225.333.333
Ông Lê Xuân Thanh	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	-	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Giang	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	-	-
Ông Lê Tiến Thịnh	Tổng Giám đốc	1.368.007.026	1.109.632.306
Ông Ngô Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc	471.485.556	490.592.000
Cộng		2.577.956.584	3.422.495.354

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Louis Holdings	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần APC Holdings	Cổ đông sở hữu 28,80% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần APG ECO	Công ty có cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế DK PCF	Công ty có cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	Công ty cùng cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	Công ty cùng cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Louis Rice Kiên Giang	Công ty cùng cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Giao thông Long An	Công ty cùng cổ đông lớn
Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex	Công ty con của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế DK PCF		
Mua hàng	-	346.008.974
Ứng trước tiền mua hàng	-	4.000.000.000
Hoàn trả tiền ứng trước mua hàng	1.418.642.366	-
Công ty Cổ phần APG ECO		
Bán hàng	2.797.049.094	2.416.294.729
Công ty Cổ phần APC Holdings		
Bán hàng	7.658.181	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3a, V.4 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế.
- Lĩnh vực kinh doanh sản xuất: sản xuất thuốc, dược liệu.
- Lĩnh vực khác: dịch vụ cho thuê tài sản.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Các giả định và ước tính quan trọng

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến số liệu tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này. Các giả định và ước tính quan trọng được Ban Tổng Giám đốc đánh giá và cập nhật thường xuyên dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố liên quan khác.

Các ước tính dưới đây được Ban Tổng Giám đốc xác định là có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trong kỳ kế toán tiếp theo nếu các giả định thay đổi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tập đoàn ước tính khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của từng khoản nợ phải thu theo tuổi nợ và tình hình tài chính của từng khách hàng. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc dự báo khả năng thanh toán của khách hàng trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế biến động.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng số dư nợ phải thu khách hàng là 53.154.571.010 VND, trong đó Tập đoàn đã trích lập dự phòng 4.261.397.472 VND.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng tổn thất thực tế vượt quá mức dự phòng đã trích lập là thấp dựa trên lịch sử thanh toán của khách hàng và các thông tin hiện có về tình hình tài chính của từng đối tượng nợ.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro nợ khó đòi:

- Tăng cường theo dõi và đôn đốc thu hồi công nợ định kỳ.
- Dùng hỗ trợ của phần mềm để kiểm soát thời gian quá hạn của công nợ.
- Rà soát hạn mức tín dụng cho từng khách hàng hàng quý.
- Khởi kiện hoặc áp dụng biện pháp pháp lý đối với các khoản nợ quá hạn trên 1 năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tập đoàn ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho dựa trên giá bán dự kiến trừ chi phí bán hàng ước tính. Sự không chắc chắn phát sinh từ biến động giá thị trường, thay đổi nhu cầu của khách hàng và rủi ro lỗi thời của hàng hóa/vật tư tồn kho.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng giá bán thực tế thấp hơn đáng kể so với ước tính là thấp trong điều kiện thị trường hiện tại, dựa trên xu hướng giá thị trường 6 tháng gần nhất và các đơn hàng đã ký kết.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro:

- Kiểm kê và đánh giá chất lượng hàng tồn kho định kỳ hàng quý.
- Điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường.
- Triển khai các chương trình khuyến mại để đẩy nhanh tiêu thụ hàng tồn kho chậm luân chuyển.
- Đa dạng hóa kênh phân phối để mở rộng thị trường tiêu thụ.

Ước tính thời gian sử dụng hữu ích và giá trị thu hồi của tài sản cố định

Tập đoàn ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định dựa trên đánh giá kỹ thuật và kinh nghiệm sử dụng thực tế. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc thay đổi công nghệ, cường độ sử dụng và điều kiện bảo dưỡng thực tế khác với giả định ban đầu, dẫn đến thời gian sử dụng thực tế có thể ngắn hơn hoặc dài hơn ước tính.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Ban Tổng Giám đốc chưa xác định có yếu tố nào làm thay đổi đáng kể các giả định đang được sử dụng để xác định thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thời gian sử dụng hữu ích thực tế khác biệt đáng kể so với ước tính là thấp đối với phần lớn tài sản.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát và điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích định kỳ hàng năm.
- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Đánh giá dấu hiệu tổn thất tài sản tại mỗi ngày báo cáo theo quy định.
- Lập kế hoạch đầu tư thay thế tài sản kịp thời để tránh gián đoạn sản xuất kinh doanh.

Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế hoãn lại

Việc xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và tài sản thuế hoãn lại đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc thực hiện các giả định về khả năng áp dụng các quy định thuế hiện hành, khả năng tạo ra lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng tài sản thuế hoãn lại và rủi ro bị cơ quan thuế điều chỉnh khi kiểm tra quyết toán thuế.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận là 2.914.166.937 VND liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ do không chắc chắn về khả năng có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng lợi nhuận tính thuế thực tế thấp hơn đáng kể so với kế hoạch là thấp dựa trên kết quả kinh doanh các năm gần đây và kế hoạch kinh doanh được phê duyệt.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát định kỳ khả năng thu hồi tài sản thuế hoãn lại hàng năm.
- Tham vấn chuyên gia thuế về việc áp dụng các quy định thuế đối với các giao dịch phức tạp.
- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ chứng từ để sẵn sàng cung cấp và giải trình cho cơ quan thuế khi được yêu cầu.
- Theo dõi sát diễn biến chính sách thuế và điều chỉnh ước tính kịp thời.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lập



Phạm Trung Kiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

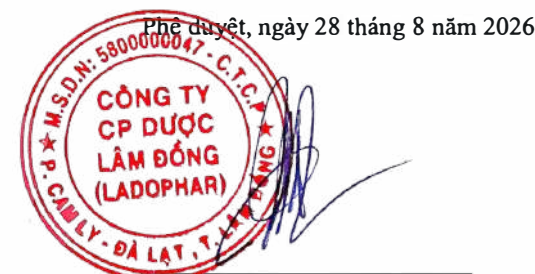
Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	127.031.670.000	-	(320.000)	24.348.384.362	(52.095.238.127)	99.284.496.235
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	6.350.000.000	-	-	-	-	6.350.000.000
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	2.239.419.564	2.239.419.564
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	133.381.670.000	-	(320.000)	24.348.384.362	(49.855.818.563)	107.873.915.799
Số dư đầu năm nay	187.281.670.000	4.203.400.000	(320.000)	-	10.892.528	191.495.642.528
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	1.761.167.985	1.761.167.985
Số dư cuối kỳ này	187.281.670.000	4.203.400.000	(320.000)	-	1.772.060.513	193.256.810.513

**Trương Thị Ngọc Hiền**
Kế toán trưởng/Người lập

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

**Phạm Trung Kiên**
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Lĩnh vực kinh doanh sản xuất	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	45.136.533.622	82.490.204.919	1.452.658.008	129.079.396.549
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.136.533.622	82.490.204.919	1.452.658.008	129.079.396.549
 Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.747.566.066	44.330.689.695	1.398.056.316	48.476.312.077
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(37.528.154.319)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				10.948.157.758
Doanh thu hoạt động tài chính				310.313.636
Chi phí tài chính				(3.726.760.767)
Thu nhập khác				2.098.318.380
Chi phí khác				(4.916.623.667)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.952.237.355)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				1.761.167.985
 Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	1.044.938.031
 Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn	-	-	-	2.967.037.826



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Địa chỉ: Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Lĩnh vực kinh doanh sản xuất	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	38.578.822.495	70.890.041.863	1.458.109.081	110.926.973.439
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.578.822.495	70.890.041.863	1.458.109.081	110.926.973.439
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.918.301.565	33.434.325.685	1.403.507.389	36.756.134.639
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(33.190.383.314)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				3.565.751.325
Doanh thu hoạt động tài chính				622.508.294
Chi phí tài chính				(2.054.437.214)
Thu nhập khác				108.364.346
Chi phí khác				(2.767.187)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				2.239.419.564
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	1.413.806.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn	-	-	-	3.553.507.643

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lậpPhạm Trung Kiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số: 137/CV-LDP/2026
(V/v: Giải trình thay đổi của LNST và
ý kiến của Công ty kiểm toán)

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC (SSC)
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)
- CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) giải trình nguyên nhân liên quan đến chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước và ý kiến của Công ty kiểm toán như sau:

1/ Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế:

Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính đã soát xét 6 tháng đầu năm 2026	Báo cáo tài chính đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025	Thay đổi
LNST báo cáo riêng			
Lợi nhuận trước thuế	4.713.405.340	2.239.419.564	210%
Thuế TNDN	2.952.237.355		
Lợi nhuận sau thuế	1.761.167.985	2.239.419.564	79%
LNST báo cáo hợp nhất			
Lợi nhuận trước thuế	4.713.405.340	2.239.419.564	210%
Thuế TNDN	2.952.237.355		
Lợi nhuận sau thuế	1.761.167.985	2.239.419.564	79%

Nguyên nhân dẫn đến việc thay đổi trên:

+ Tổng doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ tăng 18 tỷ đồng, tương ứng tăng 16% so cùng kỳ, trong đó doanh thu hàng sản xuất tăng 11,6 tỷ và doanh thu hàng thương mại tăng 6,5 tỷ. Do đó, lợi nhuận gộp tăng 11,7 tỷ đồng, tương ứng tăng 32% so cùng kỳ.

+ Các chi phí của Công ty tăng 10,9 tỷ, tương ứng tăng 31% so cùng kỳ chủ yếu do trích lập dự phòng nợ khó đòi và trích lập lãi trái phiếu.

+ Do đó, Lợi nhuận trước thuế đạt 4,7 tỷ, tăng 2,5 tỷ, tương đương tăng 110% so cùng kỳ

+ Tuy nhiên, từ năm 2026 Công ty không còn chuyển lỗ, phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động sản xuất kinh. Từ đó, dẫn đến Lợi nhuận sau thuế đạt 1,76 tỷ, tương ứng 79% so cùng kỳ.

2/ Giải trình ý kiến của kiểm toán:

Cơ sở của kết luận ngoại trừ:

Báo cáo tài chính đã soát xét 6 tháng đầu năm 2026	Báo cáo tài chính hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2026
- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 Công ty có khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (sau đây gọi tắt là “Công ty Bảo Thư”) với số tiền là 32.500.000.000 VND (xem thuyết minh số V.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ). Đây là khoản tiền mà Công ty đã thực hiện đầu tư theo Hợp đồng ủy thác thực hiện tư vấn phát triển Dự án trung tâm thương mại Nguyễn Kim Đà Lạt và Hợp đồng cho thuê Quyền sử dụng đất tại Cụm công nghiệp Thắng Hải 1 ký kết giữa Công ty và Công ty Bảo Thư. Tuy nhiên, đã sau hơn 04 năm kể từ khi Công ty chuyển tiền đầu tư, cả hai dự án đều không thực hiện được và Công ty Bảo Thư vẫn chưa thanh toán lại khoản tiền trên cho Công ty. Ngày 18 tháng 02 năm 2025 và ngày 03 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân Thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm đã ban hành Bản án số 01/2025/KDTM-ST và Bản án số 02/2025/KDTM-ST buộc Công ty Bảo Thư có trách nhiệm trả lại cho Công ty số tiền là 32.500.000.000 VND. Đến ngày 11 tháng 6 năm 2025 và ngày 20 tháng 6 năm 2025 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm đã ban hành Bản án số 08/2025/KDTM-PT và Bản án số 09/2025/KDTM-PT y án sơ thẩm. Ngày 27 tháng 02 năm 2026 Tòa án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng đã ban hành Bản án số 01/2026/KDTM-ST tuyên buộc Công ty Bảo Thư hoàn trả 17.550.000.000 VND cho Công ty TNHH MTV Nước giải khát Thảo dược Ladophar (là công ty con của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)). Hiện Công ty đã chuyển hồ sơ sang thi hành án để thu hồi công nợ. Tuy nhiên với những tài liệu và thông tin hiện có, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi và các tổn thất (nếu có) của khoản công nợ này cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.	- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 Tập đoàn có khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (sau đây gọi tắt là “Công ty Bảo Thư”) với số tiền là 50.050.000.000 VND (xem thuyết minh số V.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ). Đây là khoản tiền mà Tập đoàn đã thực hiện đầu tư theo Hợp đồng ủy thác thực hiện tư vấn phát triển Dự án trung tâm thương mại Nguyễn Kim Đà Lạt và Hợp đồng cho thuê Quyền sử dụng đất tại Cụm công nghiệp Thắng Hải 1 ký kết giữa Tập đoàn và Công ty Bảo Thư. Tuy nhiên, đã sau hơn 04 năm kể từ khi Tập đoàn chuyển tiền đầu tư, cả hai dự án đều không thực hiện được và Công ty Bảo Thư vẫn chưa thanh toán lại khoản tiền trên cho Tập đoàn. Ngày 18 tháng 02 năm 2025 và ngày 03 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân Thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm đã ban hành Bản án số 01/2025/KDTM-ST và Bản án số 02/2025/KDTM-ST buộc Công ty Bảo Thư có trách nhiệm trả lại cho Tập đoàn số tiền là 50.050.000.000 VND. Đến ngày 11 tháng 6 năm 2025 và ngày 20 tháng 6 năm 2025 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm đã ban hành Bản án số 08/2025/KDTM-PT và Bản án số 09/2025/KDTM-PT y án sơ thẩm. Ngày 27 tháng 02 năm 2026 Tòa án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng đã ban hành Bản án số 01/2026/KDTM-ST tuyên buộc Công ty Bảo Thư hoàn trả 17.550.000.000 VND cho Công ty TNHH MTV Nước giải khát Thảo dược Ladophar (là công ty con của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)). Hiện Tập đoàn đã chuyển hồ sơ sang thi hành án để thu hồi công nợ. Tuy nhiên với những tài liệu và thông tin hiện có, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi và các tổn thất (nếu có) của khoản công nợ này cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 Công ty có khoản trả trước cho Công ty Cổ phần ATG Planet với số tiền là 59.290.000.000 VND (xem thuyết minh số V.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ). Đây là khoản tiền Công ty trả trước để thực hiện hợp đồng thiết kế, cung cấp vật tư, thiết bị, phụ kiện và thi công xây lắp đặt (EPC) công trình phân xưởng chiết xuất dược liệu CO2 siêu tới hạn. Đến ngày 27 tháng 5 năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết về việc chấm dứt hợp đồng này do nhà thầu không thực hiện các nghĩa vụ về tiến độ và phạm vi công việc theo hợp đồng. Tuy nhiên ngày 05 tháng 6 năm 2026 Công ty Cổ phần ATG Planet đã có công văn phản hồi về việc không có cơ sở để chấm dứt hợp đồng và không đồng ý với yêu cầu hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng ngay lập tức mà đề xuất tiếp tục thực hiện hợp đồng hoặc thanh lý hợp đồng theo thỏa thuận (xác định số tiền hoàn trả sau khi bù trừ khối lượng công việc đã thực hiện và nghiệm thu, chi phí hợp lệ ATG Planet đã bỏ ra, thiệt hại phát sinh do chậm bàn giao mặt bằng) hoặc giải quyết qua cơ quan có thẩm quyền. Ngoài ra Công ty còn có khoản phải thu Công ty Cổ phần ATG Planet tiền bán tài sản cố định với tổng số tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 18.702.312.200 VND (xem thuyết minh số V.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ). Theo thông tin từ Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì tình trạng hoạt động của Công ty Cổ phần ATG Planet là Không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi chưa thể thu thập đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi và các tổn thất (nếu có) của các khoản công nợ nêu trên, cũng như các ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính giữa niên độ.	- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 Tập đoàn có khoản trả trước cho Công ty Cổ phần ATG Planet với số tiền là 59.290.000.000 VND (xem thuyết minh số V.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ). Đây là khoản tiền mà Tập đoàn trả trước để thực hiện hợp đồng thiết kế, cung cấp vật tư, thiết bị, phụ kiện và thi công xây lắp đặt (EPC) công trình phân xưởng chiết xuất dược liệu CO2 siêu tới hạn. Hội đồng quản trị Công ty mẹ đã thông qua việc chấm dứt hợp đồng này do nhà thầu không thực hiện các nghĩa vụ về tiến độ và phạm vi công việc. Tuy nhiên ngày 05 tháng 6 năm 2026 Công ty Cổ phần ATG Planet đã có công văn phản hồi về việc không có cơ sở để chấm dứt hợp đồng và không đồng ý với yêu cầu hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng ngay lập tức mà đề xuất tiếp tục thực hiện hợp đồng hoặc thanh lý hợp đồng theo thỏa thuận (xác định số tiền hoàn trả sau khi bù trừ khối lượng công việc đã thực hiện và nghiệm thu, chi phí hợp lệ ATG Planet đã bỏ ra, thiệt hại phát sinh do chậm bàn giao mặt bằng) hoặc giải quyết qua cơ quan có thẩm quyền. Ngoài ra, Tập đoàn còn có khoản phải thu đối với Công ty Cổ phần ATG Planet với số tiền là 18.702.312.200 VND (xem thuyết minh số V.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ). Theo thông tin từ Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì tình trạng hoạt động của Công ty Cổ phần ATG Planet là Không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi chưa thể thu thập đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi và các tổn thất (nếu có) của các khoản công nợ nêu trên, cũng như các ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Theo Bản án phúc thẩm số 704/2026/DS-PT ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh, Công ty có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Ninh Thu Trà số tiền nợ gốc trái phiếu còn lại là 18.500.203.128 VND, tiền lãi tính đến ngày 26 tháng 9 năm 2025 là 7.848.592.658 VND, tổng cộng là 26.348.795.786 VND. Dựa theo bản án này,	- Theo Bản án phúc thẩm số 704/2026/DS-PT ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh, Công ty mẹ có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Ninh Thu Trà số tiền nợ gốc trái phiếu còn lại là 18.500.203.128 VND, tiền lãi tính đến ngày 25 tháng 9 năm 2025 là 7.848.592.658 VND, tổng cộng là

Công ty đã ghi nhận toàn bộ khoản chi phí tiền lãi chậm trả đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 với số tiền 4.451.337.143 VND vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 (xem thuyết minh số V.18, V.21 và VI.9) thay vì điều chỉnh hồi tố như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót. Nếu Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố theo đúng chuẩn mực, trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 01/01/2026, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước" (Mã số 420a) sẽ giảm đi 3.900.892.742 VND, chỉ tiêu "Chi phí phải trả ngắn hạn" (Mã số 316) sẽ tăng lên một khoản tương ứng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, chỉ tiêu "Chi phí khác" (Mã số 32) kỳ này sẽ giảm đi 3.900.892.742 VND, kỳ trước sẽ tăng lên 550.444.400 VND (tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025), dẫn đến chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (Mã số 50) kỳ này sẽ tăng lên 3.900.892.742 VND và kỳ trước sẽ giảm đi 550.444.400 VND.

26.348.795.786 VND. Dựa theo bản án này, Công ty mẹ đã ghi nhận toàn bộ khoản chi phí tiền lãi chậm trả đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 với số tiền 4.451.337.143 VND vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 (xem thuyết minh số V.18, V.21 và VI.9) thay vì điều chỉnh hồi tố như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót. Nếu Tập đoàn thực hiện điều chỉnh hồi tố theo đúng chuẩn mực, trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 01/01/2026, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước" (Mã số 420a) sẽ giảm đi 3.900.892.742 VND, chỉ tiêu "Chi phí phải trả ngắn hạn" (Mã số 316) sẽ tăng lên một khoản tương ứng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, chỉ tiêu "Chi phí khác" (Mã số 32) kỳ này sẽ giảm đi 3.900.892.742 VND, kỳ trước sẽ tăng lên 550.444.400 VND (tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025), dẫn đến chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (Mã số 50) kỳ này sẽ tăng lên 3.900.892.742 VND và kỳ trước sẽ giảm đi 550.444.400 VND.

Giải trình của Ladophar: Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục pháp lý nhằm nhanh chóng thu hồi khoản tiền đã đầu tư.

Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu KT

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CÔNG TY
CP DƯỢC
LÂM ĐỒNG
(LADOPHAR)**

PHẠM TRUNG KIÊN